

KẾT QUẢ VÒNG 1 KỶ THI TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TỔNG CỤC THUẾ NĂM 2016 VÀO CỤC THUẾ HẢI PHÒNG

(Kèm theo Thông báo số 3108 /TB-HĐTD ngày 05/9/2017 của Chủ tịch HĐTD công chức Tổng cục Thuế năm 2016)

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
I. Chuyên viên và Kiểm tra viên thuế																			
1	Nguyễn Thị Nhật	Ái				19	5	1993	Thị trấn Tiên Lãng - Hải Phòng	ĐH Hải Phòng	Kế toán doanh nghiệp		HPH00002		72.50	33.75	70.00		HPH00052
2	Bùi Thị Hồng	Anh				24	9	1992	Trường Thành, An Lão, Hải Phòng	ĐH Hải Phòng	Kinh tế quản lý		HPH00008		67.50	MT	77.50		HPH00315
3	Cao Thị Mai	Anh				27	7	1991	Đặng Lâm, Hải An, Hải Phòng	ĐH Hải Phòng	Kế toán doanh nghiệp		HPH00015		35.00	28.75	52.50		HPH00360
4	Đinh Thị Vân	Anh				8	10	1993	Quốc Tuấn, An Dương, Hải Phòng	Học viện tài chính	Kế toán doanh nghiệp		HPH00022		VT	VT	VT		HPH00238
5	Dương Thị Kim	Anh				26	10	1986	Minh Đức, Thủy Nguyên, Hải Phòng	ĐH Hải Phòng	Kế toán		HPH00031		60.00	16.25	50.00		HPH00332
6	Hoàng Thị Lan	Anh				17	1	1989	Xã Liên Hiệp, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình	ĐH Dân lập Hải Phòng	Kế toán kiểm toán		HPH00039		52.50	41.25	52.50		HPH00144
7	Lê Hoàng	Anh	24	10	1992				Quảng Thanh, Thủy Nguyên, Hải Phòng	ĐH Hàng Hải Việt Nam	Kinh tế ngoại thương		HPH00044		72.50	67.50	67.50		HPH00305
8	Lê Thị Mai	Anh				25	8	1991	An Hưng - An Dương - Hải Phòng	ĐH Kinh doanh và công nghệ Hà Nội	Kế toán kiểm toán		HPH00048		77.50	87.50	75.00		HPH00151
9	Lê Thị Ngọc	Anh				3	2	1992	Thủy Sơn, Thủy Nguyên, Hải Phòng	ĐH Hàng Hải Việt Nam	Kinh tế vận tải biển		HPH00049		52.50	26.25	57.50		HPH00340
10	Lương Thị Vân	Anh				5	10	1979	Xuân Kiên, Xuân Trường, Nam Định	Học viện tài chính	Kế toán		HPH00053		VT	VT	VT		HPH00362
11	Lưu Tuấn	Anh	7	11	1983				Thôn 3 Ngõ Dương, An Hòa, An Dương, Hải Phòng	ĐH Hàng Hải Việt Nam	Quản trị tài chính kế toán		HPH00054		35.00	20.00	55.00		HPH00290
12	Nguyễn Thị Lan	Anh				9	10	1982	Kiến An, Hải Phòng	ĐH DL Hải Phòng	Kế toán kiểm toán		HPH00067		65.00	43.75	62.50		HPH00082
13	Nguyễn Việt	Anh	12	10	1989				Số 50, Trần Thành Ngọ, Kiến An, Hải Phòng	ĐH Kinh doanh và công nghệ Hà Nội	Quản lý kinh doanh		HPH00084		40.00	32.50	67.50		HPH00239
14	Phạm Thị Quỳnh	Anh				10	7	1989	Bắc Hưng, Tiên Lãng, Hải Phòng	ĐH Hải Phòng	Kế toán doanh nghiệp		HPH00093		72.50	41.25	67.50		HPH00130
15	Vũ Hoàng	Anh				18	3	1990	Trần Hưng Đạo, TP. Hải Dương, Hải Dương	ĐH Kinh doanh và công nghệ Hà Nội	Kế toán		HPH00113		37.50	36.25	82.50		HPH00104
16	Vũ Phương Lan	Anh				2	3	1986	Quang Hưng, An Lão, Hải Phòng	ĐH Hải Phòng	Kế toán doanh nghiệp		HPH00114		55.00	42.50	MT		HPH00270
17	Vũ Thị Lan	Anh				7	11	1994	Giang Biên, Vĩnh Bảo, Hải Phòng	ĐH Hải Phòng	Tài chính doanh nghiệp		HPH00120		90.00	51.25	72.50		HPH00016
18	Vũ Thị Quỳnh	Anh				18	12	1988	Đặng Hải, Hải An, Hải Phòng	ĐH Hải Phòng	Kế toán doanh nghiệp		HPH00123		VT	VT	VT		HPH00201
19	Nguyễn Thị Ngọc	Anh				26	10	1991	Phúc Lễ, Thủy Nguyên, HP	ĐH Thương mại	Luật thương mại		HPH00133		VT	VT	VT		HPH00080
20	Trịnh Thị Bảo	Anh				25	3	1993	Hòa Lâm, Ứng Hòa, Hà Nội	Học viện tài chính	Tài chính doanh nghiệp		HPH00135		97.50	83.75	72.50		HPH00259
21	Vũ Thị	Ba				18	2	1992	Hòa Bình, Thủy Nguyên, Hải Phòng	ĐH Dân lập Hải Phòng	Kế toán - Kiểm toán		HPH00136		80.00	55.00	62.50		HPH00010
22	Bùi Xuân	Bách	26	10	1992				Vĩnh Bảo, Hải Phòng	Học viện tài chính	Kế toán doanh nghiệp		HPH00139		40.00	32.50	52.50		HPH00301
23	Ta Duy	Bảo	25	11	1993				Ứng Hòa, Hà Tây	ĐH TROY	Ngoại thương		HPH00143		92.50	80.00	72.50		HPH00260
24	Vũ Thái	Bảo				10	2	1994	Xã Tam Cường, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng	ĐH Kinh tế quốc dân	Kế toán		HPH00144		40.00	MT	70.00		HPH00230
25	Bùi Ngọc	Bích				20	10	1992	Đông Quý, Tiên Hải, Thái Bình	ĐH Hải Phòng	Kế toán kiểm toán		HPH00148		VT	VT	VT		HPH00220
26	Nguyễn Thị	Biên				1	1	1984	Thanh Lương, Vĩnh Bảo, HP	ĐH DL Hải Phòng	Kế toán kiểm toán		HPH00157		77.50	68.75	77.50		HPH00081
27	Hà Vũ	Bình	14	10	1987				Vũ Gia Luận, Cát Hải, Hải Phòng	ĐH Công Đoàn	Quản trị kinh doanh		HPH00160		35.00	23.75	17.50		HPH00321
28	Lê Thanh	Bình	18	3	1984				Phổ mới, xã Phù Ninh, huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng	ĐH Hải Phòng	Quản trị kinh doanh		HPH00162		VT	VT	VT		HPH00194
29	Phạm Lê	Bình	16	11	1994				Thái Giang, Thái Thụy, Thái Bình	ĐH Kinh tế quốc dân	Ngân hàng		HPH00167		VT	VT	VT		HPH00146
30	Phạm Thị	Bình				5	12	1990	An Đồng, An Dương, HP	ĐH DL Hải Phòng	Kế toán kiểm toán		HPH00168		82.50	35.00	62.50		HPH00068

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NV CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
31	Phạm Thị Quỳnh	Châm				29	6	1993	Sầm Linh, Minh Tân, Kiến Thụy, Hải Phòng	ĐH DL Hải Phòng	Tài chính ngân hàng		HPH00179		62.50	50.00	60.00		HPH00292
32	Vũ Thị	Châm				5	12	1990	Đoàn Lập, Tiên Lãng, Hải Phòng	Học viện Tài chính	Kiểm toán		HPH00180		VT	VT	VT		HPH00373
33	Lê Thị	Chao				2	8	1987	Tiền Anh, Ngũ Đoan, Kiến Thụy, HP	ĐH Hải Phòng	Kế toán doanh nghiệp		HPH00181		100.00	41.25	82.50		HPH00073
34	Đồng Thị	Chí				28	11	1991	Xã Hoa Đông, Huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng	ĐH Dân lập Hải Phòng	Kế toán - Kiểm toán		HPH00189		95.00	66.25	75.00		HPH00003
35	Nguyễn Quỳnh	Chi				17	1	1989	Quỳnh Giao, Quỳnh phụ, Thái Bình	ĐH Hải Phòng	Kế toán kiểm toán		HPH00191		57.50	58.75	57.50		HPH00147
36	Đào Đình	Chiến	27	5	1993				An Dương, Lê Chân, Hải Phòng	ĐH Mô địa chất	Kế toán		HPH00198		VT	VT	VT		HPH00330
37	Nguyễn Mạnh	Chiến	2	11	1985				Gia Lâm, Hà Nội	Học viện tài chính	Tài chính doanh nghiệp		HPH00200		92.50	71.25	72.50		HPH00217
38	Nguyễn Trường	Chinh	20	2	1987				Đồng Cường, Đồng Hưng, Thái Bình	ĐH Hải Phòng	Quản trị kinh doanh		HPH00202		72.50	66.25	65.00		HPH00093
39	Trần Mạnh	Chinh	4	5	1993				Toàn Thắng, Tiên Lãng, Hải Phòng	ĐH Kinh tế quốc dân	Kinh tế quốc tế		HPH00203		42.50	41.25	37.50		HPH00277
40	Nguyễn Thị	Chức				19	11	1989	Hoàng Sơn, Thái Dương, Bình Giang, Hải Dương	ĐH Lâm Nghiệp	Quản trị kinh doanh		HPH00208		50.00	33.75	60.00		HPH00029
41	Nguyễn Văn	Chung	16	3	1992				Thụy Chính, Thái Thụy, Thái Bình	ĐH Hàng Hải Việt Nam	Kinh tế ngoại thương		HPH00214		85.00	57.50	87.50		HPH00084
42	Phạm Văn	Công	31	3	1994				Vĩnh Bảo, Hải Phòng	ĐH kinh tế Quốc dân	Kinh tế đầu tư		HPH00222		VT	VT	VT		HPH00025
43	Trần Thành	Công	8	11	1993				Phủ Liễn, Kiến An, Hải Phòng	ĐH Kinh tế quốc dân	Quản trị kinh doanh tổng hợp		HPH00223		VT	VT	VT		HPH00333
44	Trần Anh	Đào				20	11	1993	Xã Liên Hòa, huyện Kim thành, Tỉnh Hải Dương	ĐH Giao thông vận tải	Kinh tế xây dựng công trình giao thông		HPH00248		VT	VT	VT		HPH00143
45	Nguyễn Thành	Đạt	25	12	1994				Hải Phòng	Học viện tài chính	Thuế		HPH00254		92.50	83.75	92.50		HPH00011
46	Nguyễn Thị Kiều	Diễm				16	5	1990	Xã Trung Hà, huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng	Học viện tài chính	Tài chính doanh nghiệp		HPH00260		VT	VT	VT		HPH00152
47	Đào Thị Thủy	Diệp				12	5	1989	Tân Dương, Thủy Nguyên, Hải Phòng	ĐH Hải Phòng	Tài chính doanh nghiệp		HPH00275		40.00	32.50	35.00		HPH00140
48	Lê Thị Hồng	Diệp				14	1	1982	An Hòa, An Dương, Hải Phòng	ĐH Trà Vinh	Kế toán		HPH00276		57.50	22.50	62.50		HPH00040
49	Nguyễn Thị	Dịu				1	12	1989	Thôn Cúc Thủy, Thanh Lương, Vĩnh Bảo, Hải Phòng	Học viện Tài chính	Tài chính quốc tế		HPH00290		87.50	56.25	60.00		HPH00062
50	Nguyễn Thị	Đoan				15	4	1980	Lập Lễ, Thủy Nguyên, Hải Phòng	ĐH Hải Phòng	Quản trị kinh doanh		HPH00297		VT	VT	VT		HPH00256
51	Trần Đức	Đoàn	27	7	1989				Xã Minh Tân, Huyện Kiến Thụy, Hải Phòng	ĐH Hải Phòng	Kế toán doanh nghiệp		HPH00300		45.00	27.50	85.00		HPH00127
52	Hoàng Mạnh	Đức	3	10	1986				Hải Phòng	ĐH kinh doanh và công nghệ Hà Nội	Tài chính - ngân hàng		HPH00316		55.00	47.50	55.00		HPH00005
53	Nguyễn Anh	Đức	15	12	1990				Thủy Sơn, Thủy Nguyên, Hải Phòng	ĐH Kinh doanh và công nghệ Hà Nội	Kế toán		HPH00321		65.00	32.50	45.00		HPH00225
54	Khúc Thị	Dung				25	1	1994	Đặng Lâm, Hải An, Hải Phòng	ĐH Hàng Hải Việt Nam	Tài chính kế toán		HPH00345		52.50	57.50	47.50		HPH00157
55	Lã Thị Văn	Dung				22	10	1988	Đồng Sơn, Đồng Hưng, Thái Bình	ĐH kinh tế Quốc dân	Kinh tế quốc tế		HPH00346		35.00	48.75	35.00		HPH00126
56	Nguyễn Ngọc	Dung				23	12	1988	Vũ Thắng, Kiến Xương, Thái Bình	ĐH Hải Phòng	Kế toán doanh nghiệp		HPH00361		60.00	26.25	55.00		HPH00039
57	Nguyễn Thị Kim	Dung				4	10	1994	Cộng hiến, Vĩnh Bảo, Hải Phòng	ĐH Hải Phòng	Tài chính doanh nghiệp		HPH00365		97.50	72.50	92.50		HPH00007
58	Nguyễn Thị Phương	Dung				23	12	1994	Thanh Hải, Thanh Liêm, Hà Nam	ĐH ngoại thương	Kinh tế đối ngoại		HPH00366		82.50	77.50	75.00		HPH00228
59	Nguyễn Thị Thanh	Dung				20	12	1991	Thanh Khê, Thanh Lương, Vĩnh bảo, Hải Phòng	ĐH Dân lập Hải Phòng	Kế toán kiểm toán		HPH00367		87.50	55.00	92.50		HPH00055
60	Nguyễn Thủy	Dung				9	4	1992	Quang Trung, An lão, Hải Phòng	ĐH kinh doanh và công nghệ Hà Nội	Tài chính		HPH00370		77.50	71.25	85.00		HPH00028
61	Bùi Nam	Dương	2	10	1993				Hải Châu, Đà Nẵng	ĐH Hải Phòng	Kế toán kiểm toán		HPH00392		32.50	50.00	47.50		HPH00222
62	Nguyễn Thị Thủy	Dương				20	5	1986	Mỹ Đức, An Lão, Hải Phòng	ĐH Hải Phòng	Kế toán doanh nghiệp		HPH00399		VT	VT	VT		HPH00342
63	Nguyễn Thủy	Dương				15	11	1990	Thôn Phú Xá, Lê Thiên, An Dương, Hải Phòng	ĐH Hải Phòng	Kế toán doanh nghiệp		HPH00402		27.50	25.00	32.50		HPH00363

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
64	Phạm Thị Thủy	Dương				7	10	1988	Tổng Khê, Đông Hoàng, Đông Hưng, Thái Bình	ĐH Kinh tế & quản trị kinh doanh	Kế toán tổng hợp		HPH00407		VT	MT	VT		HPH00237
65	Phạm Thị Thủy	Dương				9	11	1986	Nam Sơn, An Dương, Hải Phòng	ĐH Hải Phòng	Quản trị kinh doanh		HPH00406		87.50	52.50	72.50		HPH00205
66	Bùi Xuân	Duy	16	10	1992				Đằng Lâm, Hải An, HP	ĐH Hàng Hải	Tài chính kế toán		HPH00412		77.50	62.50	85.00		HPH00097
67	Đinh Thị Hồng	Duyên				4	1	1994	Gia Vãn, Gia Viễn, Ninh Bình	ĐH Hải Phòng	Kế toán kiểm toán		HPH00417		47.50	51.25	70.00		HPH00173
68	Bùi Thị	Giang				8	9	1992	An Lý - Hưng Thái - Ninh Giang - Hải Dương	ĐH Dân lập Hải Phòng	Kế toán kiểm toán		HPH00434		95.00	47.50	80.00		HPH00030
69	Cao Thị Thu	Giang				9	3	1980	Đằng Lâm - Hải An - Hải Phòng	ĐH Kinh tế quốc dân	Quản trị kinh doanh công nghiệp và xây dựng		HPH00435		80.00	48.75	70.00		HPH00114
70	Hoàng Thị Trà	Giang				21	12	1994	Trưởng Thọ, An Lão, Hải Phòng	ĐH Hàng Hải Việt Nam	Kinh tế ngoại thương		HPH00440		60.00	27.50	77.50		HPH00255
71	Lương Thị Hương	Giang				8	7	1983	Chiến Thắng, An Lão, Hải Phòng	ĐH Hàng Hải	Quản trị tài chính kế toán		HPH00447		52.50	35.00	65.00		HPH00253
72	Nguyễn Thị	Giang				1	12	1987	Thôn Ly Cầu, Tân Viên, An Lão, HP	ĐH Hải Phòng	Kế toán		HPH00449		75.00	28.75	82.50		HPH00090
73	Nguyễn Trần Văn	Giang				30	6	1994	Nam Thanh, Nam Trục, Nam Định	Học viện chính sách và phát triển	Kinh tế đối ngoại		HPH00453		62.50	57.50	65.00		HPH00271
74	Phạm Thị	Giang				1	8	1992	Dũng Tiến, Vĩnh Bảo, Hải Phòng	ĐH DL Hải Phòng	Kế toán kiểm toán		HPH00454		40.00	33.75	55.00		HPH00213
75	Bùi Thị Khánh	Hà				1	4	1990	Hợp Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	Học viện ngân hàng	Tài chính doanh nghiệp		HPH00464		VT	VT	VT		HPH00351
76	Đỗ Thu	Hà				19	2	1992	Minh Đức, Tiên Lãng, Hải Phòng	ĐH Hải Phòng	Kế toán - Kiểm toán		HPH00473		VT	VT	VT		HPH00125
77	Đông Thị Thu	Hà				9	1	1992	Thủy Sơn, Thủy Nguyên, Hải Phòng	ĐH Bách Khoa Hà Nội	Quản trị kinh doanh		HPH00474		60.00	51.25	MT		HPH00284
78	Nguyễn Ngọc	Hà				15	6	1994	Thuận Thiên, Kiến Thụy, Hải Phòng	ĐH tài nguyên và môi trường Hà Nội	Kế toán kiểm toán và phân tích tài chính		HPH00495		50.00	38.75	47.50		HPH00240
79	Nguyễn Thị	Hà				6	10	1987	Liên Khê, Thủy Nguyên, Hải Phòng	Học viện tài chính	Kế toán		HPH00498		70.00	MT	72.50		HPH00167
80	Nguyễn Thị	Hà				10	8	1985	Đồng Minh, Vĩnh Bảo, Hải Phòng	ĐH Hải Phòng	Kế toán		HPH00497		57.50	33.75	MT		HPH00313
81	Nguyễn Thị Hải	Hà				4	3	1992	Xã Khởi Nghĩa, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng	Trường Đại học Luật Hà Nội	Luật		HPH00503		72.50	63.75	70.00		HPH00033
82	Nguyễn Thị Ngọc	Hà				30	11	1973	Hòa Tiến, Hưng Hà, Thái Bình	ĐH Thương mại	Kế toán doanh nghiệp thương mại		HPH00505		VT	VT	VT		HPH00120
83	Nguyễn Thị Thu	Hà				13	6	1993	Phục Lễ, Thủy Nguyên, Hải Phòng	ĐH Hàng Hải	Tài chính kế toán	Con TB	HPH00514	20	62.50	75.00	57.50		HPH00102
84	Nguyễn Thị Thu	Hà				1	2	1983	Thôn Đại Trà - xã Đông Phương - huyện Kiến Thụy - Hải Phòng	ĐH Thương Mại	Kinh tế thương mại		HPH00510		70.00	46.25	60.00		HPH00148
85	Nguyễn Thị Thu	Hà				21	1	1983	Lê Lợi, An Dương, Hải Phòng	ĐH Luật Hà Nội	Luật dân sự		HPH00509		VT	VT	VT		HPH00128
86	Nguyễn Thu	Hà				6	3	1990	Quốc Tuấn, An Dương, Hải Phòng	ĐH DL Hải Phòng	Kế toán kiểm toán		HPH00518		15.00	33.75	32.50		HPH00328
87	Phạm Thúy	Hà				1	7	1993	Dũng Tiến, Vĩnh Bảo, Hải Phòng	ĐH Hải Phòng	Tài chính doanh nghiệp		HPH00529		92.50	48.75	52.50		HPH00124
88	Trần Thanh	Hà	2	12	1992				Lại Xuân, Thủy Nguyên, HP	ĐH Mô địa chất	Kế toán		HPH00533		62.50	28.75	42.50		HPH00087
89	Trần Thị Thu	Hà				1	7	1986	Song Mai, Kim Động, Hưng Yên	ĐH Kinh doanh và công nghệ Hà Nội	Tài chính ngân hàng		HPH00538		VT	VT	VT		HPH00178
90	Nguyễn Thị Minh	Hải				9	5	1994	Hồng Phong, An Dương, Hải Phòng	Học viện ngân hàng	Ngân hàng thương mại		HPH00562		VT	VT	VT		HPH00339
91	Nguyễn Thị Ngọc	Hân				27	9	1981	Hải Phòng	ĐH Hàng Hải	Quản trị tài chính kế toán		HPH00576		VT	VT	VT		HPH00247
92	Hoàng Thị Minh	Hằng				3	8	1990	Thái Sơn, An Lão, Hải Phòng	Học viện ngân hàng	Kế toán doanh nghiệp		HPH00594		60.00	58.75	67.50		HPH00109
93	Hoàng Thị Thu	Hằng				24	2	1992	Hải Phòng	ĐH Hàng Hải	Tài chính kế toán		HPH00595		45.00	52.50	47.50		HPH00100
94	Lê Thị Thu	Hằng				9	12	1991	Hùng Sơn, Thanh Miện, Hải Dương	ĐH Hải Phòng	Kế toán doanh nghiệp		HPH00600		77.50	38.75	67.50		HPH00091
95	Nguyễn Thị Thanh	Hằng				21	7	1984	Hợp Đức - Đồ Sơn - Hải Phòng	ĐH Hải Phòng	Kế toán doanh nghiệp		HPH00610		VT	VT	VT		HPH00142
96	Phạm Thị Thúy	Hằng				28	11	1990	Nam Sơn, An Dương, Hải Phòng	ĐH DL Hải Phòng	Kế toán kiểm toán		HPH00618		VT	VT	VT		HPH00195
97	Vũ Thu	Hằng				9	10	1994	Minh Tân, Kiến Thụy, Hải Phòng	Học viện tài chính	Tài chính doanh nghiệp		HPH00633		85.00	82.50	87.50		HPH00057
98	Chu Thị Hồng	Hạnh				15	12	1992	Cầm Dương, Cầm Xuyên, Hà Tĩnh	Học viện ngân hàng	Kế toán doanh nghiệp		HPH00635		87.50	55.00	75.00		HPH00122

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
99	Đỗ Thị Mỹ	Hanh				14	4	1984	Yên Định, Hải Hậu, Nam Định	ĐH Kinh tế quốc dân	Quản trị kinh doanh công nghiệp và xây dựng		HPH00639		72.50	27.50	70.00		HPH00103
100	Trần Thị	Hào				11	5	1989	Hòa Nghĩa, Dương Kinh, Hải Phòng	ĐH Hải Phòng	Kế toán doanh nghiệp		HPH00658		57.50	43.75	35.00		HPH00118
101	Nguyễn Thị	Hậu				2	5	1977	Thanh Khê, Thanh Hải, Thanh Liêm, Hà Nam	Viện ĐH mở Hà Nội	Kế toán		HPH00660		42.50	27.50	30.00		HPH0034
102	Đoàn Thị Thu	Hiền				23	11	1992	Cam Lôi, Nam Trực, Nam Định	Học viện Tài chính	Kế toán doanh nghiệp		HPH00680		95.00	62.50	85.00		HPH00089
103	Mac Thị Thu	Hiền				6	3	1990	Kim Lương, Kim Thành, Hải Dương	ĐH DL Hải Phòng	Tài chính ngân hàng		HPH00691		45.00	38.75	55.00		HPH00067
104	Nguyễn Thị Thu	Hiền				12	9	1992	Tân Dân, An Lão, Hải Phòng	ĐH Kinh tế - kỹ thuật công nghệ Hà Nội	Quản trị kinh doanh	Con TB	HPH00701	20	95.00	65.00	77.50		HPH00202
105	Phạm Thu	Hiền				3	7	1991	Xã Hồng Phong, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh	ĐH Dân Lập Hải Phòng	Tài chính ngân hàng		HPH00710		VT	VT	VT		HPH00046
106	Phạm Xuân	Hiền	28	9	1988				Xuân Đài, Trường Thọ, An Lão, Hải Phòng	ĐH Hải Phòng	Quản trị kinh doanh		HPH00726		95.00	70.00	72.50		HPH00162
107	Nguyễn Trung	Hiếu	11	7	1992				Nhật Tân, Tiên Lữ, Hưng Yên	Trường ĐH Kinh tế Quốc Dân	Tài chính công		HPH00736		57.50	61.25	70.00		HPH00037
108	Chung Minh	Hoa				8	3	1993	Thanh Sơn, Kiến Thụy, Hải Phòng	ĐH SUNDERLAND	Quản trị kinh doanh		HPH00742		55.00	MT	70.00		HPH00251
109	Đặng Thị Phương	Hoa				5	9	1990	Đồng Thanh - Kim Động - Hưng Yên	ĐH Hải Phòng	Kế toán doanh nghiệp		HPH00744		VT	MT	VT		HPH00112
110	Lê Thị Thanh	Hoa				26	10	1989	An Tiến - An Lão - Hải Phòng	ĐH Kinh tế quốc dân	Kế toán kiểm toán và phân tích		HPH00754		82.50	77.50	75.00		HPH00154
111	Nguyễn Phương	Hoa				19	2	1993	Bắc Lý, Lý Nhân, Hà Nam	ĐH Hải Phòng	Tài chính doanh nghiệp		HPH00757		VT	VT	VT		HPH00216
112	Phạm Thị	Hoa				20	10	1992	Thôn Ngọc Khê,xã Phù Ninh, huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng	ĐH Công đoàn	Quản trị kinh doanh		HPH00764		77.50	46.25	67.50		HPH00006
113	Vũ Thị	Hoa				31	10	1983	Văn Hội, Ninh Giang, Hải Dương	ĐH Hàng Hải Việt Nam	Quản trị tài chính kế toán		HPH00773		95.00	55.00	62.50		HPH00066
114	Ngô Thanh	Hoà				19	3	1980	Duyên Hải, Thái Bình	ĐH Hàng Hải Việt Nam	Quản trị kinh doanh		HPH00776		57.50	22.50	47.50		HPH00356
115	Đoàn Thị	Hòa				8	4	1986	Bình Dương, Đông Triều, Quảng Ninh	ĐH Kinh doanh và công nghệ Hà Nội	Tài chính kế toán		HPH00782		42.50	37.50	60.00		HPH00319
116	Nguyễn Thị	Hòa				15	1	1991	Mỹ Đức, An Lão, Hải Phòng	Học viện ngân hàng	Tài chính doanh nghiệp		HPH00789		VT	VT	VT		HPH00308
117	Nguyễn Thị Thủy	Hòa				22	2	1987	Hưng Đạo, Kiến Thụy, Hải Phòng	Học viện ngân hàng	Ngân hàng thương mại		HPH00790		30.00	28.75	37.50		HPH00123
118	Trần Thị Ngọc	Hoàn				10	5	1989	Hồng Phong, Vũ Thư, Thái Bình	ĐH DL Hải Phòng	Kế toán kiểm toán		HPH00805		82.50	47.50	77.50		HPH00079
119	Đỗ Thị	Hồng				27	12	1990	Đại Hà, Kiến Thụy, Hải Phòng	ĐH Hàng Hải Việt Nam	Quản trị tài chính kế toán		HPH00812		VT	VT	VT		HPH00296
120	Nguyễn Thị	Huê				12	11	1987	Cát Thành, Trục Ninh, Nam Định	Học viện Tài chính	Kế toán doanh nghiệp		HPH00841		47.50	25.00	55.00		HPH00086
121	Phạm Thị	Huê				20	11	1991	Hồng Phong, An Dương, Hải Phòng	ĐH Hải Phòng	Kinh tế xây dựng		HPH00847		95.00	50.00	70.00		HPH00193
122	Lương Thị	Huệ				6	3	1994	Tiên Cường, Tiên Lãng, Hải Phòng	Học viện tài chính	Tài chính bảo hiểm		HPH00857		VT	VT	VT		HPH00110
123	Vũ Thị	Huệ				3	2	1992	Vinh Quang, Tiên Lãng, Hải Phòng	ĐH Hàng Hải	Kinh tế ngoại thương		HPH00870		92.50	66.25	77.50		HPH00160
124	Đào Mạnh	Hùng	8	11	1986				Xã Cổ Am, Huyện Vĩnh Bảo, Hải Phòng	Đại học Bách khoa Hà Nội	Quản trị doanh nghiệp		HPH00871		45.00	35.00	40.00		HPH00369
125	Ngô Phi	Hùng	22	2	1992				Thụy Hương, Kiến Thụy, Hải Phòng	ĐH Hàng Hải	Kinh tế ngoại thương		HPH00872		42.50	38.75	60.00		HPH00163
126	Nguyễn Mạnh	Hùng	9	2	1985				Mỹ Đồng, Thủy Nguyên, Hải Phòng	Học viện tài chính	Ngân hàng		HPH00874		42.50	25.00	45.00		HPH00210
127	Lương Văn	Hưng	7	5	1992				Đặng Hải, Hải An, Hải Phòng	Trường Đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh	Kế toán doanh nghiệp		HPH00882		60.00	42.50	52.50		HPH00371
128	Đào Thị	Hương				13	11	1991	Xóm 2, Cổ Am, Vĩnh Bảo, Hải Phòng	ĐH Hải Phòng	Quản trị kinh doanh		HPH00891		VT	VT	VT		HPH00236
129	Đào Thu	Hương				29	7	1989	Phường Hưng Đạo, Dương Kinh, Hải Phòng	ĐH Dân lập Hải Phòng	Kế toán kiểm toán		HPH00895		80.00	62.50	77.50		HPH00054
130	Nguyễn Minh	Hương				1	1	1984	Hưng Hóa, Tam Nông, Phú Thọ	Học viện ngân hàng	Tài chính ngân hàng		HPH00909		60.00	40.00	67.50		HPH00058

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVu CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
131	Nguyễn Thị Diễm	Hương				16	8	1987	Hải Phòng	Trường Đại học Hàng Hải	Quản trị tài chính kế toán	Con TB	HPH00920	20	72.50	MT	72.50		HPH00031
132	Nguyễn Thị Lan	Hương				21	10	1992	An Ấp, Quỳnh Phụ, Thái Bình	ĐH Hải Phòng	Quản trị kinh doanh		HPH00922		67.50	36.25	80.00		HPH00135
133	Nguyễn Thị Thu	Hương				5	8	1994	Trảng Cát, Hải An, Hải Phòng	ĐH Hải Phòng	Tài chính doanh nghiệp		HPH00926		75.00	57.50	62.50		HPH00245
134	Nguyễn Thu	Hương				11	5	1994	Tân Lễ, Hưng Hà, Thái Bình	ĐH Hàng Hải Việt Nam	Tài chính kế toán		HPH00928		VT	VT	VT		HPH00299
135	Phạm Lê Thu	Hương				12	8	1993	Tiên Lãng, Hải Phòng	ĐH Hải Phòng	Quản trị tài chính kế toán		HPH00930		55.00	MT	72.50		HPH00232
136	Phạm Thanh	Hương				10	11	1987	Số 90, Đồng Thái, TT. Vĩnh Bảo, Vĩnh Bảo, Hải Phòng	ĐH Kinh tế quốc dân	Tài chính doanh nghiệp		HPH00931		VT	MT	VT		HPH00246
137	Trần Thị	Hương				28	8	1987	Tổ 4 Khu Vọng Hải, Hưng Đạo, Dương Kinh, Hải Phòng	ĐH Hải Phòng	Kế toán doanh nghiệp		HPH00943		55.00	35.00	MT		HPH00302
138	Trịnh Thu	Hương				9	5	1993	Bồ đề, Bình lục, Nam Hà	ĐH Kinh doanh và công nghệ Hà Nội	Tài chính		HPH00952		92.50	48.75	67.50		HPH00206
139	Vũ Lan	Hương				17	10	1987	Cát Thành, Trục Ninh, Nam Định	ĐH Hàng Hải Việt Nam	Kinh tế ngoại thương		HPH00955		40.00	43.75	50.00		HPH00045
140	Vũ Thị Liên	Hương				28	12	1983	Thiên Hương, Thủy Nguyên, Hải Phòng	ĐH Hàng Hải	Quản trị kinh doanh bảo hiểm		HPH00958		45.00	40.00	47.50		HPH00325
141	Vũ Thị Thu	Hương				23	6	1989	Hải Phòng	Học viện ngân hàng	Ngân hàng thương mại		HPH00961		VT	VT	VT		HPH00258
142	Đào Dũng	Huy	2	11	1985				Đồng Phong, Đồng Hưng, Thái Bình	Viện ĐH Mỏ Hà Nội	Luật kinh tế		HPH00983		25.00	32.50	60.00		HPH00214
143	Lê Quang	Huy	22	12	1991				Dư Hàng Kênh, An Hải, Hải Phòng	ĐH thương mại	Kế toán tài chính		HPH00986		70.00	72.50	75.00		HPH00019
144	Lê Tuấn	Huy	17	11	1992				Thanh Nguyên, Thanh Liêm, Hà Nam	ĐH kinh tế quốc dân	Kế toán		HPH00988		90.00	MT	70.00		HPH00358
145	Nguyễn Quang	Huy	12	8	1990				Tân Dương, Thủy Nguyên, Hải Phòng	ĐH Hàng Hải Việt Nam	Quản lý kinh tế		HPH00991		70.00	63.75	80.00		HPH00024
146	Bùi Phương	Huyền				25	1	1990	Kinh Môn, Hải Dương	Đại học Dân tộc Quảng Tây - Trung Quốc	Kinh tế thương mại quốc tế		HPH00999		40.00	51.25	47.50		HPH00267
147	Đặng Thị	Huyền				2	3	1981	Hà Thượng - Đại Từ - Thái Nguyên	ĐH Kỹ thuật công nghiệp	Kế toán doanh nghiệp		HPH01005		62.50	36.25	67.50		HPH00191
148	Đào Thị	Huyền				13	1	1994	TT. Kinh Môn, Kinh Môn, Hải Dương	ĐH DL Hải Phòng	Kế toán kiểm toán		HPH01008		52.50	33.75	60.00		HPH00249
149	Đỗ Thị	Huyền				21	1	1992	Đằng Lâm, Hải An, Hải Phòng	ĐH Kinh tế quốc dân	Kế toán tổng hợp		HPH01010		60.00	78.75	67.50		HPH00199
150	Đồng Phong	Huyền				8	4	1982	Đại Hợp, Kiến Thụy, Hải Phòng	ĐH Hải Phòng	Kế toán doanh nghiệp		HPH01013		VT	VT	VT		HPH00357
151	Nguyễn Thị	Huyền				30	9	1989	Hồng Châu, Đồng Hưng, Thái Bình	Học viện tài chính	Kế toán doanh nghiệp		HPH01031		90.00	41.25	70.00		HPH00059
152	Nguyễn Thị Thu	Huyền				26	4	1988	Đặng Cương, An Dương, Hải Phòng	ĐH Hải Phòng	Quản trị kinh doanh		HPH01042		VT	VT	VT		HPH00184
153	Nguyễn Thu	Huyền				17	4	1994	Lê Lợi, Ngô Quyền, Hải Phòng	ĐH Hàng Hải	Kinh tế hàng hải và toàn cầu hóa		HPH01050		97.50	MT	75.00		HPH00229
154	Nguyễn Thu	Huyền				23	8	1986	Hà Tĩnh	Học viện tài chính	Kế toán doanh nghiệp		HPH01047		65.00	67.50	67.50		HPH00293
155	Phạm Thị	Huyền				7	10	1992	Xã Tuấn hưng, huyện Kim thành, Tỉnh Hải Dương	ĐH kinh doanh và công nghệ Hà Nội	Kế toán		HPH01053		90.00	56.25	95.00		HPH00001
156	Phạm Thị Thanh	Huyền				19	8	1988	Lạc Viên, Ngô Quyền, Hải Phòng	Học viện ngân hàng	Tài chính ngân hàng		HPH01056		92.50	78.75	72.50		HPH00133
157	Trần Thị	Huyền				9	12	1983	Bạch Đằng, Tiên Lãng, Hải Phòng	ĐH Kinh tế quốc dân	Kế toán tổng hợp		HPH01061		65.00	18.8	52.50	Cảnh cáo	HPH00275
158	Vũ Thanh	Huyền				21	1	1993	An Thọ - An Lão - Hải Phòng	ĐH Hải Phòng	Quản lý kinh tế		HPH01067		70.00	38.75	72.50		HPH00113
159	Vũ Thị	Huyền				4	1	1994	Thái Bình	ĐH Kinh tế quốc dân	Kế toán		HPH01072		90.00	61.25	87.50		HPH00329
160	Phạm Quang	Khải	10	12	1991				Vinh Quang, Vĩnh Bảo, Hải Phòng	ĐH Kinh tế quốc dân	Kinh tế đầu tư		HPH01076		VT	VT	VT		HPH00346
161	Nguyễn Thị Ngọc	Khánh				19	3	1993	Đằng Giang, Ngô Quyền, Hải Phòng	ĐH Kinh tế quốc dân	Kinh tế và quản lý địa chính		HPH01084		VT	VT	VT		HPH00295
162	Nguyễn Trường	Khánh	16	10	1992				Thuy Dũng, Thái Thụy, Thái Bình	ĐH Dân lập Hải Phòng	Kế toán - Kiểm toán		HPH01085		77.50	52.50	77.50		HPH00008
163	Đình Viết	Khuông	7	11	1982				Xóm nhất, Cảnh thuy, Yên Dũng, Bắc Giang	ĐH Hàng Hải	Quản trị kinh doanh		HPH01092		40.00	23.75	35.00		HPH00137

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số bảo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
164	Phạm Trung	Kiên	10	5	1990				Đội 6, Trảng An, Bình lục, Hà Nam	Học viện tài chính	Tài chính doanh nghiệp		HPH01099		VT	VT	VT		HPH00233
165	Nguyễn Thị Thanh	Lan				18	2	1988	Cát Hải, Hải Phòng	Học viện tài chính	Kế toán doanh nghiệp		HPH01125		60.00	40.00	45.00		HPH00306
166	Phan Thị	Lan				21	7	1988	Hà Nam	ĐH Hải Phòng	Kế toán		HPH01129		97.50	55.00	70.00		HPH00336
167	Trần Thị	Lan				22	1	1990	Quảng thanh, Thủy Nguyên, Hải Phòng	Học viện Tài chính	Thuế		HPH01130		97.50	67.50	87.50		HPH00186
168	Đoàn Quỳnh	Lê				11	5	1991	Ái Quốc, Nam Sách, Hải Dương	ĐH Hải Phòng	Kinh tế ngoại thương		HPH01137		72.50	37.50	60.00		HPH00175
169	Đỗ Thị Kim	Liên				22	6	1991	Thôn 3, Bắc Sơn, An Dương, Hải Phòng	Học viện Tài chính	Thuế		HPH01149		VT	VT	VT		HPH00376
170	Mai Thị Hương	Liên				2	9	1994	Nga Hưng, Nga Sơn, Thanh Hóa	ĐH Hải Phòng	Kinh tế ngoại thương		HPH01157		72.50	32.50	65.00		HPH00074
171	Ngô Thị Hồng	Liên				3	12	1991	Thanh Sơn, Kiến Thụy, Hải Phòng	ĐH DL Hải Phòng	Tài chính ngân hàng		HPH01158		VT	VT	VT		HPH00266
172	Nguyễn Thị	Liên				10	11	1990	Địch Sơn, Hiệp Hòa, Kinh Môn, Hải Dương	ĐH Mở địa chất	Quản trị kinh doanh		HPH01163		VT	VT	VT		HPH00129
173	Phạm Thị Phương	Liên				22	9	1991	Tiên Lãng, Hải Phòng	ĐH dân lập Hải Phòng	Kế toán kiểm toán		HPH01170		60.00	51.25	62.50		HPH00231
174	Đào Thị Khánh	Linh				27	9	1993	Lâm Đông, Thủy Nguyên, Hải Phòng	ĐH Hải Phòng	Kinh tế ngoại thương		HPH01186		60.00	42.50	47.50		HPH00153
175	Dương Nhật	Linh				22	3	1990	Tiên thanh, Tiên lãng, Hải Phòng	Học viện ngân hàng	Kế toán doanh nghiệp	Con TB	HPH01198	20	VT	VT	VT		HPH00207
176	Hoàng Mỹ	Linh				9	12	1994	Yên Lộc, Kim Sơn, Ninh Bình	ĐH Thương mại	Luật thương mại		HPH01202		VT	VT	VT		HPH00013
177	Nguyễn Thị Khánh	Linh				5	2	1990	Đồng Minh, Vĩnh Bảo, Hải Phòng	ĐH Kinh tế quốc dân	Kinh tế đầu tư		HPH01219		VT	VT	VT		HPH00164
178	Nguyễn Thị Thủy	Linh				25	10	1994	Phủ Lưu 2, Phú Ninh, Thủy Nguyên, Hải Phòng	Học viện tài chính	Quản lý tài chính công		HPH01229		VT	VT	VT		HPH00324
179	Vương Thị Thủy	Linh				20	10	1985	An Khang, Yên Sơn, Tuyên Quang	ĐH Mở Hà Nội	Kế toán	Con BB	HPH01261	20	35.00	27.50	45.00		HPH00348
180	Nguyễn Thị Phương	Loan				14	4	1991	Trường Thành, An Lão, Hải Phòng	ĐH Hải Phòng	Kinh tế		HPH01271		40.00	MT	70.00		HPH00174
181	Phạm Thị	Loan				8	8	1984	Tân Trào, Kiến Thụy, Hải Phòng	ĐH Hải Phòng	Kế toán doanh nghiệp		HPH01273		VT	VT	VT		HPH00341
182	Trần Quang	Lộc	5	6	1988				Hợp Tiến, Đông Hưng, Thái Bình	ĐH Hải Phòng	Kế toán doanh nghiệp		HPH01279		VT	MT	VT		HPH00119
183	Nguyễn Thị Hồng	Lợi				13	12	1984	Đồng Thọ, Thanh Hóa, Thanh Hóa	Học viện tài chính	Kế toán doanh nghiệp		HPH01280		55.00	42.50	65.00		HPH00017
184	Trần Thanh	Long	1	10	1990				Quận 6, Hồ Chí Minh	ĐH dân tộc quảng tây Trung Quốc	Thương mại và kinh tế quốc tế		HPH01286		95.00	MT	40.5	Cảnh cáo	HPH00310
185	Nguyễn	Luân	26	9	1991				Đội 10, thôn Hoàng Mai, xã Đồng Thái, huyện An Dương, Hải Phòng	ĐH Hải Phòng	Kế toán kiểm toán		HPH01293		62.50	33.75	65.00		HPH00192
186	Nguyễn Thị	Lương				8	10	1991	Hải Phòng	ĐH Thăng Long	Tài chính		HPH01297		60.00	68.75	75.00		HPH00198
187	Trần Phú	Lương	11	8	1992				Đông Khê, Ngô Quyền, Hải Phòng	ĐH Kinh tế quốc dân	Hải quan		HPH01299		VT	VT	VT		HPH00375
188	Ta Văn	Lương	30	1	1989				Viết Hòa, Khoái Châu, Hưng Yên	ĐH Hải Phòng	Kế toán doanh nghiệp		HPH01300		60.00	36.25	57.50		HPH00289
189	Đào Thị	Luyến				22	9	1985	Thuy Văn, Thái Thụy, Thái Bình	ĐH kinh tế Quốc dân	Kế toán tổng hợp		HPH01306		35.00	26.25	65.00		HPH00190
190	Đinh Thị Hồng	Luyến				5	11	1990	Gia Lạc - Gia Viễn - Ninh Bình	ĐH Hải Phòng	Quản trị kinh doanh		HPH01307		67.50	26.25	37.50		HPH00159
191	Nguyễn Thị	Mai				10	11	1989	Thôn Minh Kha, Đồng Thái, An Dương, Hải Phòng	ĐH DL Hải Phòng	Kế toán kiểm toán		HPH01335		60.00	33.75	60.00		HPH00334
192	Vũ Ngọc	Mai				19	12	1993	An Hưng, An Dương, Hải Phòng	Học viện tài chính	Ngân hàng		HPH01348		VT	VT	VT		HPH00098
193	Nguyễn Thị Bích	Mân				27	7	1988	An Thọ - An Lão - Hải Phòng	ĐH Hải Phòng	Quản trị kinh doanh		HPH01350		45.00	52.50	50.00		HPH00196
194	Bằng Đức	Mạnh	24	12	1990				Quảng Đông, Trung Quốc	ĐH Hải Phòng	Tài chính doanh nghiệp		HPH01352		VT	MT	VT		HPH00056
195	Phạm Văn	Mạnh	17	11	1992				Khánh Thiện, Yên Khánh, Ninh Bình	ĐH FPT	Ngân hàng thương mại		HPH01354		92.50	57.50	65.00		HPH00155
196	Bùi Thị	Mến				28	10	1987	Hợp Thành-Thủy nguyên - Hải Phòng	ĐH kinh tế Quốc dân	Kế toán tổng hợp		HPH01357		65.00	40.00	52.50		HPH00367
197	Nguyễn Thị Hồng	Minh				22	4	1988	An Lư, Thủy Nguyên, Hải Phòng	Đại học Dân Lập Hải Phòng	Kế toán Kiểm toán		HPH01377		70.00	52.50	52.50		HPH00034

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số bảo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVu CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
198	Nguyễn Thị Thanh	Minh				26	7	1994	Nghĩa Đông, Nghĩa Hưng, Nam Định	ĐH Hàng Hải	Tài chính kế toán		HPH01379		47.50	65.00	47.50		HPH00209
199	Phạm Hoàng	Minh	13	6	1994				Hải Phòng	Học viện tài chính	Thuế		HPH01381		87.50	78.75	80.00		HPH00263
200	Trần Văn	Minh	18	8	1989				Khu 3, TT. Tiên Lãng, Tiên Lãng, Hải Phòng	Học viện ngân hàng	Kế toán doanh nghiệp		HPH01383		57.50	MT	72.50		HPH00261
201	Trương Thị	Mơ				21	11	1989	Lê Thiện, An Dương, Hải Phòng	ĐH Hàng Hải Việt Nam	Quản trị tài chính kế toán		HPH01388		VT	VT	VT		HPH00286
202	Đoàn Văn	Nam	9	3	1988				Thôn Dương Tiên, Trần Dương, Vĩnh Bảo, Hải Phòng	ĐH Bách Khoa Hà Nội	Quản trị kinh doanh	HTNVQS	HPH01404	10	92.50	MT	70.00		HPH00063
203	Nguyễn Tiến	Nam	14	9	1991				Xã Dương Quan, Thủy Nguyên, Hải Phòng	ĐH Kinh tế quốc dân	Kinh tế phát triển		HPH01407		VT	VT	VT		HPH00182
204	Nguyễn Văn	Nam	9	9	1993				Tân Dương, Thủy Nguyên, Hải Phòng	ĐH Hàng Hải Việt Nam	Kinh tế vận tải biển		HPH01408		60.00	MT	70.00		HPH00065
205	Phạm Thế	Nam	31	1	1990				Cấp Tiến, Tiên Lãng, Hải Phòng	ĐH Hàng Hải	Tài chính kế toán	Con TB	HPH01409	20	77.50	45.00	70.00		HPH00226
206	Nguyễn Thị	Năm				9	9	1987	Lập Lễ, Thủy Nguyên, Hải Phòng	ĐH nông nghiệp Hà Nội	Kinh tế nông nghiệp		HPH01416		60.00	31.25	70.00		HPH00254
207	Đoàn Thị Thanh	Nga				16	12	1988	Tân Tiến, Tiên Lãng, Hải Phòng	ĐH Hải Phòng	Kế toán doanh nghiệp	Con TB	HPH01420	20	VT	VT	VT		HPH00311
208	Lê Thị Thủy	Nga				22	1	1983	Ngọc Khê, Phù Ninh, Thủy Nguyên, Hải Phòng	ĐH Kinh tế quốc dân	Kế toán		HPH01428		VT	VT	VT		HPH00350
209	Trần Thị Tuyết	Nga				14	2	1992	Khu Văn Tráng I, Trường Sơn, An Lão, Hải Phòng	ĐH Hải Phòng	Kế toán doanh nghiệp		HPH01452		85.00	33.75	62.50		HPH00285
210	Trương Thị Thanh	Nga				29	3	1986	Thanh Nguyên, Thanh Liêm, Hà Nam	ĐH Duy Tân	Kế toán		HPH01456		VT	MT	VT		HPH00278
211	Vũ Ngọc	Nga				5	4	1989	Đồng Sơn - Thủy Nguyên - Hải Phòng	ĐH Latrobe Australia	Kế toán, quản lý tài chính		HPH01458		77.50	MT	65.00		HPH00149
212	Nguyễn Thị Hoàng	Ngân				14	8	1998	Đồng Minh, Vĩnh Bảo, Hải Phòng	ĐH kinh tế Quốc dân	Kế toán tổng hợp		HPH01476		VT	VT	VT		HPH00288
213	Nguyễn Thị	Ngát				12	12	1990	Quang Phục, Tiên Lãng, Hải Phòng	ĐH DL Hải Phòng	Kế toán kiểm toán		HPH01489		VT	VT	VT		HPH00265
214	Bùi Bích	Ngọc				31	3	1991	Thanh Hà, Hải Dương	ĐH Thương mại	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	Con TB	HPH01502	20	VT	VT	VT		HPH00294
215	Bùi Bích	Ngọc				4	11	1990	Ngũ Lão, Thủy Nguyên, Hải Phòng	ĐH Hải Phòng	Kinh tế xây dựng		HPH01501		70.00	53.75	50.00		HPH00121
216	Bùi Thị	Ngọc				11	11	1990	Quyết Tiến, Tiên Lãng, Hải Phòng	ĐH Kinh tế quốc dân	Kinh tế bảo hiểm		HPH01504		92.50	56.25	70.00		HPH00177
217	Huỳnh Thanh	Ngọc				30	11	1989	Bình Trung, Thắng Bình, Quảng Nam- Đà Nẵng	ĐH Kinh doanh và công nghệ Hà Nội	Kế toán		HPH01507		45.00	32.50	40.00		HPH00172
218	Lại Hồng	Ngọc				17	9	1992	Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội	ĐH Hàng Hải Việt Nam	Kinh tế ngoại thương		HPH01508		VT	VT	VT		HPH00279
219	Nguyễn Minh	Ngọc				26	4	1991	Xã Đoàn Hùng, huyện Hưng Hà, Thái Bình	ĐH Hải Phòng	Kế toán doanh nghiệp		HPH01512		62.50	57.50	80.00		HPH00053
220	Nguyễn Thị	Ngọc				12	4	1985	Thái Hòa , Thái Thụy, Thái Bình	ĐH Lạc Hồng	Tài chính ngân hàng		HPH01514		92.50	62.50	80.00		HPH00061
221	Nguyễn Thị Bích	Ngọc				19	7	1989	Hưng Yên	ĐH Nam Toulon	Ngân hàng bảo hiểm		HPH01517		37.50	50.00	45.00		HPH00337
222	Vũ Thị	Ngọc				23	8	1986	Thôn Nhuê Ấn, Xã Tân Liên, Huyện Vĩnh Bảo, Hải Phòng	ĐH Dân Lập Hải Phòng	Kế toán Kiểm toán		HPH01528		87.50	56.25	97.50		HPH00035
223	Ngô Chi	Nguyễn	24	1	1983				Liên Minh, Vụ Bản, Nam Định	ĐH Kinh tế quốc dân	Kế toán tổng hợp		HPH01531		VT	VT	VT		HPH00291
224	Đinh Thị	Nguyệt				11	9	1982	Dương Phong, Bạch Thông, Bắc Cạn	ĐH Hải Phòng	Kế toán doanh nghiệp	DTTS	HPH01532	20	42.50	28.75	37.50		HPH00170
225	Trần Thị	Nguyệt				6	10	1987	Cổ Am, Vĩnh Bảo, Hải Phòng	Học viện tài chính	Kế toán doanh nghiệp		HPH01543		VT	VT	VT		HPH00215
226	Trần Thu	Nguyệt				25	10	1982	91 Ha Lý - Ha Lý- quận Hồng Bàng, Hải Phòng	ĐH Kỹ thuật công nghiệp	Kế toán		HPH01547		47.50	33.75	50.00		HPH00200
227	Nguyễn Thị Thanh	Nhã				28	12	1995	Trảng Cát, Hải An, Hải Phòng	Trường ĐH Kinh tế quốc dân	Kinh tế đầu tư		HPH01548		92.50	75.00	70.00		HPH00378
228	Vũ Thị	Nhiều				12	9	1985	Nga Thiện - Nga Sơn - Thanh Hóa	ĐH Hải Phòng	Quản trị tài chính kế toán	Con NHCS như TB	HPH01563	20	VT	VT	VT		HPH00227
229	Bùi Thị	Nhung				10	2	1990	Đồng La, Đồng Hưng, Thái Bình	ĐH Ngoại thương	Quản trị kinh doanh quốc tế	Con BB	HPH01569	20	80.00	80.00	85.00		HPH00204

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
230	Cao Thị	Nhung				20	2	1991	Giao Tiên, Giao Thủy, Nam Định	ĐH Kinh doanh và công nghệ Hà Nội	Kế toán		HPH01572		42.50	37.50	60.00		HPH00318
231	Cao Thị Hồng	Nhung				27	6	1993	Vĩnh An, Vĩnh Bảo, Hải Phòng	Học viện tài chính	Quản lý tài chính công		HPH01573		62.50	51.25	77.50		HPH00108
232	Đào Thị Tuyết	Nhung				13	4	1983	An Dương, Lê Chân, Hải Phòng	Học viện tài chính	Kế toán doanh nghiệp		HPH01575		80.00	60.00	55.00		HPH00272
233	Đỗ Hồng	Nhung				26	4	1988	Khánh An, Tam Điệp, Ninh Bình	ĐH Kinh tế quốc dân	Ngân hàng		HPH01578		VT	VT	VT		HPH00320
234	Hoàng Thị Hồng	Nhung				27	12	1994	Bát Trang, An Lão, Hải Phòng	ĐH Hải Phòng	Tài chính doanh nghiệp		HPH01582		VT	VT	VT		HPH00021
235	Lê Thị Hồng	Nhung				29	8	1994	Thôn Ngọc Khê - xã Phú Ninh - Huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng	Học viện tài chính	Định giá tài sản và kinh doanh bất động sản		HPH01591		70.00	53.75	70.00		HPH00365
236	Lê Thị Hồng	Nhung				10	12	1986	Hồng Phong, An Dương, Hải Phòng	Học viện tài chính	Kế toán doanh nghiệp		HPH01589		27.50	52.50	45.00		HPH00176
237	Phan Ngọc Cẩm	Nhung				7	5	1990	Nam Định	ĐH Hàng Hải	Quản lý kinh tế		HPH01607		52.50	45.00	72.50		HPH00131
238	Trần Thị Hồng	Nhung				31	1	1992	Hải Phòng	ĐH công nghiệp Hà Nội	Quản trị kinh doanh du lịch		HPH01614		VT	VT	VT		HPH00280
239	Vũ Thị Hồng	Nhung				25	4	1992	Diêm Điền, Thái Thụy, Thái Bình	ĐH Thủy Lợi	Kế toán		HPH01619		VT	VT	VT		HPH00273
240	Vũ Thị Hồng	Nhung				14	1	1992	Hải Dương	ĐH Kinh doanh và công nghệ Hà Nội	Kế toán		HPH01620		42.50	MT	27.50		HPH00283
241	Đào Thị	Nụ				22	8	1992	Thăng Long, Kinh Môn, Hải Dương	ĐH Hàng Hải Việt Nam	Tài chính kế toán		HPH01623		62.50	36.25	62.50		HPH00322
242	Bùi Thị Thu	Oanh				14	9	1993	Xóm 4, Đông Sơn, Thủy Nguyên, Hải Phòng	ĐH Hàng Hải Việt Nam	Tài chính kế toán		HPH01627		VT	VT	VT		HPH00282
243	Đinh Thị Kim	Oanh				11	3	1987	Bắc Sơn, An Dương, Hải Phòng	ĐH Hải Phòng	Quản trị tài chính kế toán		HPH01629		52.50	26.25	50.00		HPH00355
244	Hoàng Thị	Oanh				3	2	1990	Thôn Tĩnh Thủy 1, An Hòa, An Dương, Hải Phòng	ĐH DL Hải Phòng	Kế toán kiểm toán	Con TB	HPH01632	20	82.50	45.00	77.50		HPH00264
245	Phạm Thị Kim	Oanh				6	12	1989	Đồng Hòa, Kiến An, Hải Phòng	ĐH Dân lập Hải Phòng	Kế toán - Kiểm toán		HPH01643		85.00	73.75	82.50		HPH00281
246	Trần Thị Kim	Oanh				5	2	1988	Vĩnh Long, Vĩnh Bảo, Hải Phòng	ĐH Kinh doanh và công nghệ Hà Nội	Kế toán		HPH01647		62.50	35.00	67.50		HPH00107
247	Bach Thanh	Phong	10	8	1993				Mồ Lảo, Hà Đông, Hà Nội	ĐH QG Hà Nội	Quản trị kinh doanh		HPH01653		92.50	MT	80.00		HPH00171
248	Bach Hà	Phương				21	1	1990	Mồ Lao, Hà Đông, Hà Nội	ĐH Kinh tế quốc dân	Kinh tế quốc tế		HPH01669		95.00	MT	72.50		HPH00094
249	Đinh Lan	Phương				3	6	1991	Ngọc Lâm, Mỹ Hào, Hưng Yên	ĐH Thương mại	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại		HPH01673		50.00	51.25	62.50		HPH00203
250	Đoàn Thị Mai	Phương				17	6	1993	Tân Dân, An Lão, Hải Phòng	Học viện Tài Chính	Quản lý tài chính công		HPH01676		95.00	58.75	87.50		HPH00032
251	Lê Bích	Phương				4	9	1991	An Tiến, An Lão, Hải Phòng	ĐH giao thông vận tải	Kế toán tổng hợp		HPH01685		75.00	48.75	80.00		HPH00189
252	Lê Thị	Phương				12	12	1980	Xã Vinh Quang, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng	Trường Đại học Kinh tế quốc dân	Kế toán		HPH01686		47.50	55.00	70.00		HPH00366
253	Lưu Thị	Phương				2	9	1978	Thái Hòa - Thái Thụy - Thái Bình	Đại học Tài chính kế toán Hà Nội	Thuế	Con LS	HPH01692	20	77.50	33.75	70.00		HPH00187
254	Phạm Thị Thanh	Phương				11	2	1994	Thụy Chính, Thái Thụy, Thái Bình	ĐH Hàng Hải	Tài chính kế toán		HPH01720		85.00	66.25	82.50		HPH00012
255	Tạ Thị Mai	Phương				5	6	1994	Tam Điệp, Ninh Bình	ĐH Hàng Hải Việt Nam	Tài chính kế toán		HPH01725		35.00	57.50	67.50		HPH00276
256	Vũ Thị Mai	Phương				2	8	1994	Xã Tiên Tiến, Huyện Tiên Lãng, Hải Phòng	Học viện Tài Chính	Tài chính doanh nghiệp		HPH01737		100.00	68.75	90.00		HPH00043
257	Đỗ Thị	Phương				29	1	1989	Trần Dương - Vĩnh Bảo - Hải Phòng	Trường ĐH Hải Phòng	Kinh tế vận tải và dịch vụ		HPH01742		72.50	31.25	50.00		HPH00038
258	Nguyễn Bích	Phương				7	2	1989	Hoa Đông, Thủy Nguyên, Hải Phòng	ĐH Hải Phòng	Kế toán doanh nghiệp		HPH01748		VT	VT	VT		HPH00208
259	Nguyễn Thị	Phương				6	9	1990	Quyết Tiến, Tiên Lãng, Hải Phòng	ĐH Hải Phòng	Kế toán doanh nghiệp		HPH01753		VT	VT	VT		HPH00099
260	Nguyễn Thị Kim	Phương				25	8	1992	Khu 4, TT. Tiên Lãng, Tiên Lãng, Hải Phòng	ĐH Ngoại thương	Phân tích và đầu tư tài chính		HPH01755		72.50	56.25	70.00		HPH00116
261	Trần Thị	Phương				11	9	1992	Xóm 2, Cổ Am, Vĩnh Bảo, Hải Phòng	ĐH kinh tế - ĐH quốc gia Hà Nội	Tài chính quốc tế		HPH01759		57.50	61.25	85.00		HPH00188
262	Nguyễn Công	Quang	21	8	1992				Thụy phú, Phú xuyên, Hà Nội	ĐH Kinh doanh và công nghệ Hà Nội	Kế toán		HPH01762		40.00	15.00	35.00		HPH00235
263	Nguyễn Minh	Quang	11	2	1992				An Thắng, An Lão, Hải Phòng	ĐH Hải Phòng	Kinh tế ngoại thương		HPH01763		42.50	MT	57.50		HPH00352

ngân

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
264	Phạm Vinh	Quang	10	1	1984				An Hòa, Vĩnh Bảo, Hải Phòng	Kinh tế quốc dân	Kinh tế bảo hiểm		HPH01764		67.50	62.50	65.00		HPH00335
265	Trần Thị	Quyên				12	8	1989	Sầm Linh 2, Minh Tân, Kiến Thụy, HP	ĐH Hải Phòng	Kế toán doanh nghiệp		HPH01778		77.50	30.00	75.00		HPH00072
266	Lê Thị Mỹ	Quỳnh				24	4	1987	Hải Phòng	ĐH công nghiệp Hà Nội	Kế toán		HPH00355		72.50	63.75	67.50		HPH00234
267	Ngô Thị Như	Quỳnh				28	8	1991	Khởi Nghĩa, Tiên Lãng, Hải Phòng	ĐH Hàng hải	Quản lý kinh tế		HPH01797		60.00	55.00	57.50		HPH00331
268	Nguyễn Thị	Quỳnh				29	11	1982	Hợp Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	ĐH Kinh tế quốc dân	Kế toán		HPH01800		57.50	38.75	40.00		HPH00300
269	Phạm Thị Thu	Sợi				31	12	1991	Thị trấn Vĩnh Bảo, huyện Vĩnh Bảo, Hải Phòng	ĐH Kinh tế kỹ thuật công nghiệp	Tài chính doanh nghiệp		HPH01816		100.00	41.25	70.00		HPH00242
270	Trần Thái	Sơn	1	9	1979				Nam Thắng, Nam Trục, Nam Định	ĐH Hàng Hải	Kinh tế ngoại thương		HPH01820		VT	VT	MT		HPH00015
271	Phạm Đức	Tài	21	8	1991				Trí Hiếu, Đặng Cương, An Dương, Hải Phòng	ĐH Kinh tế quốc dân	Tài chính quốc tế		HPH01822		55.00	MT	57.50		HPH00180
272	Đào Thị Thanh	Tâm				7	7	1991	Lâm Đồng, Thủy Nguyên, Hải Phòng	ĐH Hải Phòng	Kế toán doanh nghiệp		HPH01828		40.00	22.50	37.50		HPH00132
273	Nguyễn Thị Thanh	Tâm				22	10	1990	Tiền Phong, Vĩnh Bảo, Hải Phòng	ĐH Hải Phòng	Kế toán doanh nghiệp		HPH01835		VT	VT	VT		HPH00317
274	Phạm Thị Thanh	Tâm				2	8	1989	Phù Xuân, Cấp Tiến, Tiên Lãng, Hải Phòng	ĐH kinh tế quốc dân	Quản trị kinh doanh tổng hợp	Con BB	HPH01839	20	VT	MT	VT		HPH00338
275	Tô Văn	Tâm	5	8	1980				Quảng Thái, Quảng Xương, Thanh Hóa	ĐH Dân lập Hải Phòng	Quản trị kinh doanh		HPH01841		32.50	31.25	52.50		HPH00115
276	Nguyễn Phương	Tân	28	9	1989				Tân An, Thanh Hòa, Hải Dương	ĐH Hàng Hải Việt Nam	Quản trị tài chính kế toán		HPH01847		55.00	33.75	72.50		HPH00069
277	Đỗ Quang	Thái	16	7	1992				Hồng Thuận, Giao Thủy, Nam Định	Học viện tài chính	Quản lý tài chính công		HPH01856		VT	VT	VT		HPH00105
278	Đào Thị Hồng	Thắm				16	10	1993	Xóm 3, Cổ Am, Vĩnh Bảo, HP	Học viện Tài chính	Quản lý tài chính công		HPH01862		100.00	56.25	87.50		HPH00088
279	Nguyễn Thị	Thắm				2	2	1993	Cấp Tiến, Tiên Lãng, HP	Học viện Tài chính	Kế toán doanh nghiệp		HPH01869		100.00	65.00	87.50		HPH00078
280	Đặng Văn	Thắng	17	8	1993				Quảng Thanh, Thủy Nguyên, Hải Phòng	Trường Đại học Hàng hải Việt Nam	Kinh tế ngoại thương		HPH01872		60.00	MT	75.00		HPH00002
281	Đào Văn	Thắng	21	8	1987				Độc Lập, Hưng Hà, Thái Bình	ĐH Hải Phòng	Kế toán doanh nghiệp		HPH01873		67.50	43.75	65.00		HPH00166
282	Lưu Minh	Thắng	5	9	1993				Tân Liên, Vĩnh Bảo, Hải Phòng	Học viện tài chính	Kế toán doanh nghiệp		HPH01876		VT	VT	VT		HPH00269
283	Nguyễn Toàn	Thắng	21	10	1992				Hải Phòng	ĐH Hàng Hải Việt Nam	Kinh tế ngoại thương		HPH01878		82.50	MT	80.00		HPH00041
284	Phan Minh	Thắng	13	4	1986				Nam Hà, Tiên Hải, Thái Bình	ĐH Hải Phòng	Kế toán doanh nghiệp		HPH01881		55.00	28.75	67.50		HPH00297
285	Bùi Thị Hoài	Thanh				24	4	1983	Đại Trá, Đông Phương, Kiến Thụy, Hải Phòng	Học viện tài chính	Kế toán doanh nghiệp		HPH01884		VT	VT	VT		HPH00307
286	Đỗ Phương	Thanh				18	2	1993	Xã Kiến Quốc, huyện Kiến Thụy, Hải Phòng	ĐH Hải Phòng	Kế toán kiểm toán		HPH01892		77.50	61.25	72.50		HPH00158
287	Đỗ Thị Hồng	Thanh				8	2	1986	Thanh Sơn, Kiến Thụy, Hải Phòng	ĐH Hải Phòng	Quản trị kinh doanh		HPH01893		VT	VT	VT		HPH00250
288	Lê Thị Huyền	Thanh				23	4	1993	An Tiêm II, Thụy Dân, Thái Thụy, Thái Bình	ĐH Hàng Hải	Kinh tế ngoại thương		HPH01898		75.00	43.75	67.50		HPH00101
289	Phạm Thị	Thanh				20	9	1985	Hải Phòng	ĐH Hàng Hải Việt Nam	Quản trị tài chính kế toán		HPH01906		VT	VT	VT		HPH00344
290	Trần Phương	Thanh				10	9	1994	Đại Hợp, Kiến Thụy, Hải Phòng	ĐH kinh tế Quốc dân	Kinh tế phát triển		HPH01911		50.00	77.50	67.50		HPH00304
291	Phạm Tiến	Thành	23	10	1991				Vĩnh Bảo, Hải Phòng	ĐH Dân lập Hải Phòng	Kế toán - Kiểm toán		HPH01922		70.00	47.50	42.50		HPH00377
292	Vũ Duy	Thành	2	9	1990				Kỳ Sơn, Thủy Nguyên, Hải Phòng	Học viện tài chính	Tài chính doanh nghiệp		HPH01923		50.00	35.00	45.00		HPH00243
293	Bùi Thị Phương	Thảo				14	11	1993	TT. An Dương, An Dương, Hải Phòng	Học viện Ngân hàng	Ngân hàng thương mại		HPH01929		95.00	71.25	70.00		HPH00211
294	Đoàn Thị Phương	Thảo				5	3	1994	Quảng Trạch, Quảng Bình	ĐH Hải Phòng	Kế toán kiểm toán		HPH01934		VT	VT	VT		HPH00223
295	Nguyễn Thị Thu	Thảo				11	11	1991	Trảng Cát, Hải An, Hải Phòng	Trường Đại học Công nghệ Đông Á	Kế toán		HPH01960		35.00	22.50	35.00		HPH00354
296	Nguyễn Thu	Thảo				28	8	1993	Tiên Thắng, Tiên Lãng, Hải Phòng	ĐH Thăng Long	Tài chính		HPH01962		85.00	31.25	62.50		HPH00212
297	Phạm Thị Thu	Thảo				30	11	1994	Xã Thương Hiền, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình	ĐH Hàng Hải Việt Nam	Tài chính kế toán		HPH01964		VT	VT	VT		HPH00049

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NV CN-TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
298	Phạm Thu	Thảo				8	1	1989	Thị trấn Cát Hải, Cát Hải, Hải Phòng	ĐH dân lập Hải Phòng	Tài chính ngân hàng		HPH01965		55.00	46.25	50.00		HPH00323
299	Trần Phương	Thảo				22	3	1993	Trường Thọ, An Lão, HP	ĐH Ngoại thương	Quản trị kinh doanh quốc tế		HPH01972		VT	VT	VT		HPH00085
300	Vũ Thị Phương	Thảo				12	2	1993	Đồng Hoàng, Đồng Hưng, Thái Bình	ĐH Phương Đông	Tài chính ngân hàng		HPH01981		VT	VT	VT		HPH00136
301	Phạm Thị	Thao				1	11	1989	Đồng Minh, Vĩnh Bảo, Hải Phòng	ĐH Ngoại thương	Kinh tế đối ngoại		HPH01984		87.50	52.50	65.00		HPH00161
302	Vũ Hưng	Thịnh	21	6	1990				Hải Phòng	ĐH Hải Phòng	Quản trị kinh doanh		HPH02002		82.50	66.25	75.00		HPH00070
303	Trần Thị	Thơ				5	8	1984	Tân Hưng, Vĩnh Bảo, Hải Phòng	ĐH Hàng Hải	Quản lý kinh tế		HPH02005		50.00	MT	52.50		HPH00117
304	Đinh Thị	Thu				28	1	1990	Gia lập, Gia Viễn, Ninh Bình	ĐH Hàng Hải	Quản trị tài chính kế toán		HPH02032		VT	VT	VT		HPH00022
305	Hoàng Thị	Thu				12	5	1987	Tân Tiến, An Dương, Hải Phòng	ĐH Hải Phòng	Kế toán doanh nghiệp		HPH02038		57.50	21.25	45.00		HPH00327
306	Nguyễn Hoài	Thu				14	9	1989	Hưng Đạo, Dương Kinh, Hải Phòng	ĐH Dân lập Hải Phòng	Tài chính ngân hàng		HPH02043		87.50	42.50	72.50		HPH00287
307	Nguyễn Thị	Thu				20	2	1990	Xóm 8- Xã Tam Cường - Vĩnh Bảo - Hải Phòng	ĐH Dân lập Hải Phòng	Kế toán kiểm toán		HPH02047		92.50	22.50	57.50		HPH00051
308	Phạm Thị Hoài	Thu				13	12	1991	Anh Dũng, Kiến Thụy, Hải Phòng	Học viện ngân hàng	Kế toán		HPH02056		50.00	43.75	50.00		HPH00023
309	Trần Thị Hà	Thu				5	5	1993	Cấp Tiến, Tiên Lãng, Hải Phòng	ĐH kinh tế - ĐH Quốc gia Hà Nội	Kinh tế phát triển	Con TB	HPH02059	20	75.00	41.25	57.50		HPH00309
310	Vũ Thị Hoài	Thu				9	5	1989	Xã Minh Tân, huyện Kiến Thụy, TP. Hải Phòng	ĐH Hàng Hải Việt Nam	Quản lý Kinh tế		HPH02061		62.50	57.50	70.00		HPH00042
311	Cao Thị	Thương				8	5	1990	Ngọc Khánh, Tiên Minh, Tiên Lãng, Hải Phòng	ĐH Kinh tế quốc dân	Kinh tế đầu tư	Con BB	HPH02072	20	85.00	68.75	82.50		HPH00268
312	Đào Hanh	Thương				28	10	1994	Tiên Minh, Tiên Lãng, Hải Phòng	Trường Đại học Hàng hải Việt Nam	Kinh tế ngoại thương		HPH02075		67.50	78.75	82.50		HPH00364
313	Trần Thị Hoài	Thương				19	9	1987	Hùng Vương, Hồng Bàng, Hải Phòng	Học viện tài chính	Kế toán doanh nghiệp		HPH02083		52.50	40.00	65.00		HPH00134
314	Vũ Thị Hoài	Thương				6	5	1993	Thôn Diêm Nam, Trà Giang, Kiến Xương, Thái Bình	ĐH Kinh tế quốc dân	Kế toán tổng hợp		HPH02086		87.50	51.25	70.00		HPH00274
315	Vũ Thị Thương	Thương				3	5	1991	Hưng Hà, Thái Bình	ĐH Hải Phòng	Kế toán doanh nghiệp		HPH02087		27.50	MT	35.00		HPH00095
316	Nguyễn Thanh	Thúy				7	9	1991	Nam Hải, Hải An, Hải Phòng	ĐH Ngoại thương	Ngân hàng		HPH02104		VT	VT	VT		HPH00219
317	Phạm Thị	Thúy				26	9	1990	TT. Tiên Lãng, Tiên Lãng, Hải Phòng	Học viện tài chính	Tài chính doanh nghiệp		HPH02114		90.00	43.75	67.50		HPH00353
318	Phạm Thị	Thúy				15	7	1986	Hòa Nghĩa, Dương Kinh, Hải Phòng	ĐH Hải Phòng	Kế toán		HPH02113		37.50	25.00	47.50		HPH00096
319	Đỗ Thị Thu	Thúy				12	1	1990	Liên Châu, An Lạc, Vĩnh Phúc	Học viện tài chính	Tài chính doanh nghiệp		HPH02138		62.50	75.00	75.00		HPH00314
320	Nguyễn Thanh	Thúy				15	4	1987	Hải Phòng	ĐH quốc tế Hồng Bàng TP Hồ Chí Minh	Kế toán - Kiểm toán		HPH02145		47.50	56.25	40.00		HPH00374
321	Nguyễn Thị	Thúy				7	9	1992	Trần Dương, Vĩnh Bảo, HP	Học viện ngân hàng	Tài chính doanh nghiệp		HPH02151		VT	VT	VT		HPH00075
322	Nguyễn Thị Thu	Thúy				12	12	1989	Kiến Thiết, Tiên Lãng, Hải Phòng	ĐH Kinh tế quốc dân	Kinh tế phát triển		HPH02161		70.00	40.00	67.50		HPH00312
323	Nguyễn Thị Thu	Thúy				18	1	1980	Hải Hậu - Nam Định	Trường Đại học Hải Phòng	Kế toán		HPH02159		32.50	25.00	27.50		HPH00370
324	Phạm Thị	Thúy				24	9	1982	Công Hiền, Vĩnh Bảo, Hải Phòng	Viện ĐH mở Hà Nội	Kế toán		HPH02171		60.00	18.75	37.50		HPH00343
325	Bùi Đức	Tiến	20	12	1990				Hữu Bằng, Kiến Thụy, Hải Phòng	Học viện ngân hàng	Tài chính - ngân hàng		HPH02188		95.00	43.75	70.00		HPH00026
326	Nguyễn Mạnh	Tiến	8	10	1991				Song Hồ, Thuận Thành, Bắc Ninh	Viện ĐH Mở	Kế toán kiểm toán		HPH02191		45.00	37.50	57.50		HPH00326
327	Nguyễn Mạnh	Tiến	13	7	1989				Cộng Hòa, Kim Thành, Hải Dương	ĐH Hàng Hải	Tài chính kế toán		HPH02190		95.00	71.25	87.50		HPH00014
328	Trần Văn	Tiến	2	6	1986				Vạn Sơn, Đồ Sơn, Hải Phòng	ĐH Kinh tế quốc dân	Quản trị kinh doanh du lịch và khách sạn		HPH02193		VT	VT	VT		HPH00244
329	Đỗ Mạnh	Toàn	9	8	1993				TT. An Dương, An Dương, Hải Phòng	ĐH Tài chính quản trị kinh doanh	Kế toán doanh nghiệp		HPH02199		VT	VT	VT		HPH00165
330	Nguyễn Thị Thu	Trà				7	11	1992	Bạch Hạ, Phú Xuyên, Hà Nội	ĐH Hàng Hải	Tài chính kế toán		HPH02207		VT	VT	VT		HPH00257
331	Đặng Thị Quỳnh	Trang				20	9	1993	Xã Chiến Thắng, huyện An Lão, Hải Phòng	ĐH Kinh tế Quốc Dân	Kinh tế đầu tư		HPH02211		80.00	52.50	67.50		HPH00044

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NV CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
332	Đỗ Thu	Trang				24	11	1991	Tân An, Thanh Hà, Hải Dương	ĐH kinh doanh và công nghệ Hà Nội	Kế toán		HPH02216		75.00	45.00	55.00		HPH00004
333	Dương Nguyễn Mai	Trang				18	2	1992	Tân Dân, An Lão, Hải Phòng	Học viện ngoại giao	Kinh tế quốc tế		HPH02219		80.00	68.75	57.50		HPH00262
334	Hà Thị Thu	Trang				9	6	1987	Nam Sơn, An Dương, Hải Phòng	ĐH Kinh tế quốc dân	Tài chính doanh nghiệp		HPH02221		VT	VT	VT		HPH00141
335	Lê Thị Huyền	Trang				31	8	1992	Quang Hưng, An Lão, Hải Phòng	ĐH DL Hải Phòng	Kế toán kiểm toán		HPH02233		75.00	71.25	82.50		HPH00064
336	Lê Thị Huyền	Trang				1	2	1990	Đình Lễ, Lam Sơn, Thanh Hóa	ĐH Phương Đông	Tài chính ngân hàng		HPH02229		50.00	48.75	37.50		HPH00349
337	Lý Minh	Trang				1	9	1993	Thị trấn Cát Bà, Cát Hải, Hải Phòng	ĐH Hải Phòng	Kế toán - Kiểm toán		HPH02242		95.00	66.25	87.50		HPH00009
338	Nguyễn Thị	Trang				30	7	1991	Xã Hoảng Hợp, huyện Hoảng Hóa, tỉnh Thanh Hóa	ĐH Luật Hà Nội	Luật		HPH02256		VT	VT	VT		HPH00181
339	Nguyễn Thị	Trang				28	2	1986	Tân Dương, Thủy Nguyên, Hải Phòng	ĐH kinh tế Quốc dân	Kế toán tổng hợp		HPH02253		62.50	46.25	42.50		HPH00138
340	Nguyễn Thị Thu	Trang				24	10	1990	An Lão, Hải Phòng	ĐH Hải Phòng	Tài chính doanh nghiệp		HPH02275		52.50	MT	65.00		HPH00169
341	Nguyễn Thu	Trang				10	12	1994	Vĩnh Niệm, Lê Chân, Hải Phòng	Đại học Ngoại thương	Ngân hàng		HPH02285		85.00	82.50	85.00		HPH00036
342	Nguyễn Thu	Trang				28	3	1991	Lê Lợi, Ngô Quyền, Hải Phòng	ĐH Thương mại	Kinh tế thương mại		HPH02283		90.00	60.00	80.00		HPH00179
343	Nguyễn Thu	Trang				20	2	1988	Tân Viên, An Lão, Hải Phòng	ĐH Hàng Hải Việt Nam	Quản lý kinh tế		HPH02282		40.00	MT	47.50		HPH00060
344	Phan Thị	Trang				29	8	1991	Xã Bát Trảng, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng	ĐH Hải Phòng	Kế toán		HPH02300		65.00	36.25	67.50		HPH00183
345	Ta Thị Huyền	Trang				31	10	1987	Thượng Cốc - Phúc Thọ - Hà Nội	Học viện tài chính	Kế toán doanh nghiệp		HPH02302		VT	VT	VT		HPH00224
346	Trần Huyền	Trang				8	11	1991	Xóm 6, Hòa Bình, Thủy Nguyên, Hải Phòng	ĐH Hàng Hải	Quản trị tài chính kế toán		HPH02303		VT	VT	VT		HPH00168
347	Trần Thị Huyền	Trang				20	8	1991	KDC Diêm Niệm, TT Vĩnh Bảo, Vĩnh Bảo, Hải Phòng	ĐH Hàng Hải	Kinh tế vận tải biển		HPH02306		92.50	36.25	80.00		HPH00106
348	Trần Thu	Trang				2	12	1987	Thanh Liêm, Hà Nam	ĐH Hàng Hải	Quản trị tài chính kế toán		HPH02309		45.00	MT	72.50		HPH00218
349	Trần Triệu	Trang				12	12	1990	Đồng Sơn, Thanh Hóa	ĐH Quốc gia Hà Nội	Kế toán phân tích kiểm toán		HPH02313		VT	VT	VT		HPH00303
350	Vũ Thị Huyền	Trang				1	2	1990	Ngũ Đoan, Kiến Thụy, Hải Phòng	ĐH Hải Phòng	Kinh tế ngoại thương		HPH02318		VT	VT	VT		HPH00018
351	Đỗ Thành	Trọng	22	4	1976				Quốc Tuấn, An Dương, Hải Phòng	ĐH Hàng hải	Quản trị tài chính kế toán		HPH02325		VT	VT	VT		HPH00347
352	Trịnh Vương	Trung	29	1	1985				Dũng Tiến, Vĩnh Bảo, Hải Phòng	Học viện tài chính	Tài chính doanh nghiệp		HPH02334		82.50	61.25	80.00		HPH00221
353	Phạm Anh	Tú	19	5	1992				Hòa Nghĩa, Dương Kinh, Hải Phòng	ĐH Kinh tế Quốc dân	Quản trị kinh doanh quốc tế		HPH02350		VT	VT	VT		HPH00252
354	Phạm Thanh	Tuấn	3	9	1980				Đồng Hưng, Thái Bình	ĐH Kinh tế quốc dân	Kế toán		HPH02372		42.50	31.25	50.00		HPH00076
355	Vũ Anh	Tuấn	30	11	1989				Thái Thụy, Thái Bình	ĐH Hàng Hải	Tài chính kế toán		HPH02375		VT	VT	VT		HPH00368
356	Bùi Đình	Tùng	24	8	1987				Tú Sơn - Kiến Thụy - Hải Phòng	ĐH Hải Phòng	Kế toán doanh nghiệp		HPH02376		90.00	58.75	65.00		HPH00156
357	Bùi Sơn	Tùng	2	6	1988				Tân Dân, An Lão, Hải Phòng	ĐH kinh tế Quốc dân	Kinh tế quốc tế		HPH02377		VT	VT	VT		HPH00139
358	Trịnh Duy	Tuyến	27	5	1992				Hải Phòng	ĐH kinh tế Quốc dân	Kế toán tổng hợp		HPH02402		87.50	51.25	62.50		HPH00020
359	Tổng Thị	Tuyết				14	7	1990	Hà Ngọc, Hà Trung, Thanh Hóa	ĐH Công nghiệp Hà Nội	Kế toán	Con TB	HPH02415	20	32.50	38.75	50.00		HPH00092
360	Ngô Thị Tổ	Uyên				8	6	1991	Phường Đáp Cầu, TP Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh	Đại học Thăng Long	Ngân hàng		HPH02426		VT	VT	VT		HPH00372
361	Dương Thị Ánh	Vân				4	8	1990	Hòa Nghĩa, Dương Kinh, Hải Phòng	ĐH Trà Vinh	Kế toán		HPH02433		VT	VT	VT		HPH00185
362	Nguyễn Hải	Vân				17	12	1986	Vinh Quang, Vĩnh Bảo, Hải Phòng	ĐH Kinh tế quốc dân	Kế toán tổng hợp		HPH02440		97.50	MT	85.00		HPH00150
363	Vũ Thị Ngọc	Vân				5	3	1991	Đồng Sơn, Thủy Nguyên, HP	ĐH QG Hà Nội	Luật kinh tế - lao động		HPH02462		65.00	45.00	62.50		HPH00083
364	Nguyễn Hoài	Vân	7	7	1991				Vĩnh Niệm, Lê Chân, HP	ĐH Ngoại thương Hà Nội	Tài chính quốc tế		HPH02464		82.50	85.00	87.50		HPH00071
365	Phạm Thị Hoàng	Vân				25	7	1992	Từ Liêm, Hà Nội	ĐH Hải Phòng	Kế toán kiểm toán		HPH02465		70.00	61.25	70.00		HPH00077
366	Trần Quang	Viết	31	5	1992				Hàng Kênh, Lê Chân, Hải Phòng	ĐH Đại Nam	Tài chính ngân hàng		HPH02473		35.00	32.50	62.50		HPH00241
367	Tổng Quang	Vinh	19	3	1988				An Hòa, An Dương, Hải Phòng	ĐH Kinh tế quốc dân	Ngân hàng		HPH02476		65.00	36.25	62.50		HPH00197
368	Vũ Thị Mai	Vui				13	4	1988	Đồng Hòa, Kiến An, Hải Phòng	ĐH Thương Mại	Tài chính ngân hàng thương mại		HPH02482		75.00	32.50	65.00		HPH00145

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
369	Phùng Thị	Vỹ				27	8	1989	Phú Đông, Ba Vì, Hà Nội	Học viện tài chính	Kế toán doanh nghiệp		HPH02485		VT	VT	VT		HPH00359
370	Bùi Thị Thanh	Xuân				4	12	1992	An Đông, An Dương, Hải Phòng	ĐH DL Hải Phòng	Kế toán kiểm toán		HPH02490		72.50	51.25	72.50		HPH00248
371	Đào Thị	Xuân				25	6	1991	Hoàng Đông, Quang Phục, Tiên Lãng, Hải Phòng	ĐH Kinh tế quốc dân	Kế toán tổng hợp		HPH02489		72.50	48.75	57.50		HPH00298
372	Phạm Thị Kim	Xuân				9	4	1983	Tiền Đức, Hưng Hà, Thái Bình	Học viện Tài Chính	Ngân hàng		HPH02499		90.00	68.75	95.00		HPH00047
373	Hoàng Thị Hải	Yến				19	6	1991	Đa phúc - Kiến thủy - Hải Phòng	ĐH Kinh doanh Công nghệ Hà Nội	Ngân hàng		HPH02505		92.50	72.50	35.00		HPH00111
374	Nguyễn Hoàng	Yến				22	10	1987	Nghi Mỹ, Nghi Lộc, Nghệ An	ĐH DL Hải Phòng	Kế toán kiểm toán		HPH02512		VT	VT	VT		HPH00316
375	Nguyễn Thị	Yến				4	4	1991	An Sơn, Thủy Nguyên, Hải Phòng	Viện DH mở Hà Nội	Quản trị kinh doanh		HPH02513		87.50	61.25	77.50		HPH00027
376	Nguyễn Thị Hải	Yến				15	5	1993	Khởi Nghĩa, Tiên Lãng, Hải Phòng	ĐH Hàng Hải Việt Nam	Kinh tế Hàng Hải và toán cầu hóa		HPH02518		72.50	MT	65.00		HPH00050
377	Nhữ Thị Thu	Yến				3	2	1992	Kiến Thiết, Tiên Lãng, Hải Phòng	Trường Đại học Hàng Hải	Kinh tế ngoại thương		HPH02523		VT	VT	VT		HPH00048
II. Chuyên viên làm Công nghệ thông tin																			
III. Chuyên viên làm Văn thư lưu trữ																			
IV. Cán sự làm Công nghệ thông tin																			
V. Cán sự và Kiểm tra viên trung cấp thuế																			
VI. Cán sự làm Văn thư lưu trữ																			